

Số: 334^B /TB-ĐHCN

V/v: Thông báo tuyển sinh
đào tạo tiến sĩ đợt 2 năm 2022

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2022

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ ĐỢT 2 NĂM 2022**

1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

1.1. Chuyên ngành tuyển sinh

1.1.1. Khoa Công nghệ Thông tin, các chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính.

1.1.2. Khoa Điện tử - Viễn thông, các chuyên ngành: Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật viễn thông.

1.1.3. Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa, chuyên ngành: Cơ kỹ thuật.

1.1.4. Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano, chuyên ngành: Vật liệu và linh kiện nanô.

1.1.5. Bộ môn Công nghệ Xây dựng – Giao thông, chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng.

1.2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

1.3. Điều kiện dự tuyển

- a) Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:
- Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
 - Có đủ sức khoẻ để học tập.
 - Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.
 - Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu, các công trình công bố. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.
 - Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu;

phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

- Có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lí trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

- Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng chuyên ngành đào tạo.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

b) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), được ĐHQGHN công nhận (chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2), còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Ghi chú: Thí sinh có thể được nợ minh chứng về năng lực ngoại ngữ và được bổ sung trước thời điểm Nhà trường ra quyết định trúng tuyển. Thời gian dự kiến tháng 11/2022.

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

d) Các yêu cầu khác theo đặc thù của đơn vị và CTĐT.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo Đề án 89 của Bộ GD&ĐT phải đáp ứng tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn tại Điều 5 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/09/2021 (chi tiết tại Phụ lục 5).

- Thí sinh dự tuyển đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Quy định xét cấp học bổng của ĐHQHN cho nghiên cứu sinh và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc ban hành theo QĐ số 3688/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/11/2021 của Giám đốc ĐHQGHN có thể nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc (chi tiết tại Phụ lục 6 và Phụ lục 7).

2. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 15 nghiên cứu sinh

STT	Chuyên ngành	Số lượng
1.	Khoa học máy tính	15
2.	Kỹ thuật phần mềm	
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
4.	Hệ thống thông tin	
5.	Kỹ thuật điện tử	
6.	Kỹ thuật viễn thông	
7.	Cơ kỹ thuật	
8.	Vật liệu và linh kiện nanô	
9.	Kỹ thuật xây dựng	

3. HỒ SƠ DỰ THI

Bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự tuyển;

b) Sơ yếu lí lịch cá nhân;

c) Bản sao hợp lệ các văn bằng, chứng chỉ và minh chứng về chuyên môn, ngoại ngữ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác theo quy định; Giấy chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;

d) Đề cương nghiên cứu;

- e) Thư giới thiệu của tối thiểu một nhà khoa học;
- f) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của đơn vị đào tạo.
- e) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

4. ĐĂNG KÝ DỰ THI, THỜI GIAN THI VÀ LỆ PHÍ

4.1. Nhiệm vụ của thí sinh

- Bước 1: Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong năm 2022. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

- Bước 2: Thí sinh nộp hồ sơ bản cứng trực tiếp tại Phòng 107 – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội hoặc chuyển qua đường bưu điện (nếu hồ sơ chuyển qua đường bưu điện sẽ tính theo dấu bưu điện).

Ghi chú: thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc thực hiện thêm Bước 3: ngoài việc nộp hồ sơ dự tuyển phải khai báo thông tin và nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng tại địa chỉ <http://hocbong.vnu.edu.vn>

- Thời gian đăng kí: *từ 8h00 ngày 15/07/2022 đến 17h00 ngày 30/08/2022.*

4.2. Thời gian đánh giá hồ sơ chuyên môn

- Từ ngày *19/09 đến 29/09/2022*

4.3. Lệ phí

- Lệ phí: 260.000đ/ thí sinh

- Phương thức nộp tiền: thí sinh có thể chuyển lệ phí tuyển sinh theo quy định vào tài khoản của Trường Đại học Công nghệ hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại Trường Đại học Công nghệ.

- Thông tin chuyển tiền qua tài khoản:

+ Tên Tài khoản: Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN

+ Số TK: 21510000214781 tại Ngân hàng BIDV Cầu Giấy, Hà Nội

+Nội dung chuyển khoản: Họ tên thí sinh_Ngày sinh_TS SDH đợt 1_2022

- Địa chỉ nộp tiền mặt: P.101A – Phòng Kế hoạch Tài chính – Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

5. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- **Thời gian công bố kết quả thi:** trước 17h00 ngày 04/10/2022.

- **Thời gian đào tạo:** 3 năm với NCS đã có bằng thạc sĩ, 4 năm với NCS đã có bằng đại học

6. THÔNG TIN LỘ TRÌNH HỌC PHÍ TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo Quyết định số 346/QĐ-KHTC ngày 16/05/2022 về việc Quy định, định mức học phí đào tạo sau đại học năm học 2022-2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ, học phí đào tạo bậc tiến sĩ năm học 2022-2023 của Trường Đại học Công nghệ là 36.000.000 đ/năm học (10 tháng).

Học phí, lộ trình tăng học phí tuân theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 "Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo" và Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 "Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập" và các văn bản liên quan.

7. HỌC BỔNG DÀNH CHO NGHIÊN CỨU SINH

Nghiên cứu sinh có cơ hội đăng ký nhiều nguồn học bổng, trong đó có các học bổng của Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Công nghệ cấp. Cụ thể:

- + Học bổng dành cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc (chi tiết tại Phụ lục 4).
- + Học bổng của Đại học Quốc gia Hà Nội: cho NCS từ thạc sĩ là 60.000.000 đồng/khóa học, cho NCS từ cử nhân là 90.000.000 đồng/khóa học.
- + Học bổng của Trường Đại học Công nghệ: cho NCS từ thạc sĩ là 60.000.000 đồng/khóa học, cho NCS từ cử nhân là 80.000.000 đồng/khóa học.

8. THÔNG TIN LIÊN HỆ, TƯ VẤN TUYỂN SINH

Mọi chi tiết xin liên hệ tại:

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Phòng 105-E3, 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3754 7810 hoặc số hotline: 0977547263

Email: hanhth@vnu.edu.vn

Website: <http://uet.vnu.edu.vn> mục Tuyển sinh/Tuyển sinh Sau Đại học.

Trân trọng thông báo./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HĐTS SDH NĂM 2022**

Nơi nhận:

- Các cơ sở đào tạo liên quan;
- Các đơn vị trong trường;
- Website của Trường ĐHCN, thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, ĐT, TH.5.

(đã ký)

Chữ Đức Trình

Phụ lục 1 – Bảng tham chiếu chứng chỉ Ngoại ngữ sử dụng trong tuyển sinh trình độ tiến sĩ tại ĐHQGHN
(Kèm theo thông báo số 334^B/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022 của Trường Đại học Công nghệ)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kĩ năng)	Cambridge Exam	Aptis (Hội đồng Anh)	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)	VSTEP.3-5 (6.0)

Một số ngoại ngữ khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Bậc 3	ТРКИ-1	DELFB1 TCF B1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK Bậc 3	JLPT N3 NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
Bậc 4	ТРКИ-2	DELFB2 TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm),	HSK Bậc 4	JLPT N2 (90) NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
			ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2			

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục 2
Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận
trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN
(Kèm theo thông báo số 334^B/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022
của Trường Đại học Công nghệ)

1. Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận				
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√			
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√				
7.	ĐH Thái Nguyên	√				
8.	Trường ĐH Cần Thơ	√				
9.	Trường ĐH Vinh	√				
10.	Học viện An ninh nhân dân	√				

(*). Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh: các cơ sở đào tạo có số thứ tự từ 1 đến 8 được cấp từ ngày 15/5/2019, các cơ sở đào tạo còn lại được cấp từ ngày 08/5/2020.

2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√		

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis
2.	British Council (BC)	√				√
3.	International Development Program (IDP)	√				
4.	Cambridge ESOL	√			√	

3. Một số thứ tiếng khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Một số ngoại ngữ khác					
		<i>tiếng Nga</i>	<i>tiếng Pháp</i>	<i>tiếng Đức</i>	<i>tiếng Trung</i>	<i>tiếng Nhật</i>	<i>tiếng Hàn</i>
1.	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	√					
2.	Bộ Giáo dục Pháp		√				
3.	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			
4.	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				√		
5.	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)					√	
6.	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)						√

**Phụ lục 3 – Danh mục các ngành/chuyên ngành trình độ đại học/thạc sĩ được xét tuyển
đối với từng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

(Kèm theo thông báo số 334^B/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022
của Trường Đại học Công nghệ)

TT	Chuyên ngành	Danh mục các ngành/ chuyên ngành phù hợp	Danh mục các ngành/chuyên ngành gần
1.	Khoa học máy tính	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính; ...)	Cơ sở toán học cho tin học, Khoa học tính toán, Toán tin; các chuyên ngành thuộc nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
2.	Kỹ thuật Phần mềm	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính; ...)	Cơ sở toán học cho tin học, Khoa học tính toán, Toán tin; các chuyên ngành thuộc nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính; ...)	Cơ sở toán học cho tin học, Khoa học tính toán, Toán tin; các chuyên ngành thuộc nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
4.	Hệ thống Thông tin	Các chuyên ngành trong nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin (Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Truyền thông và mạng máy tính; ...)	Cơ sở toán học cho tin học; toán ứng dụng; lý thuyết xác suất và thống kê toán học; thống kê; kỹ thuật mật mã; lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tin học; hệ thống thông tin quản lý
5.	Kỹ thuật điện tử	Các ngành/chuyên ngành trong nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; các ngành/chuyên ngành Kỹ thuật máy tính, Điện tử-viễn thông.	Vật lý vô tuyến và điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ hàng không vũ trụ
6.	Kỹ thuật viễn thông	Các ngành/chuyên ngành trong nhóm Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; các ngành/chuyên ngành Kỹ thuật máy tính, Điện tử-viễn thông.	Vật lý vô tuyến và điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, An toàn thông tin, Công nghệ hàng không vũ trụ
7.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng Công trình biển,	Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Cơ khí động lực, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật năng lượng; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật hạt

TT	Chuyên ngành	Danh mục các ngành/ chuyên ngành phù hợp	Danh mục các ngành/chuyên ngành gần
		Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng Công trình đặc biệt; Cơ học vật rắn, Cơ học chất lỏng và chất khí; Cơ học; Cơ điện tử, Kỹ thuật Cơ điện tử; Toán cơ; Tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật hạ tầng (của ĐH Việt Nhật)	nhân; Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật dầu khí; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật cấp thoát nước; Công nghệ hàng không vũ trụ; Robotic; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Kỹ thuật cấp thoát nước; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
8.	Vật liệu và Linh kiện Nanô	Vật lý kỹ thuật; vật lý lý thuyết; vật lý chất rắn; vật lý vô tuyến điện tử; vật lý nguyên tử; quang học; vật lý địa cầu; khoa học vật liệu; hóa vô cơ; hóa hữu cơ; hóa phân tích; hóa lý thuyết và hóa lý; hóa môi trường; kỹ thuật hóa học; kỹ thuật vật liệu; kỹ thuật hạt nhân.	Cơ kỹ thuật; kỹ thuật cơ điện tử; kỹ thuật điện; kỹ thuật điện tử; kỹ thuật viễn thông; kỹ thuật y sinh; kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; kỹ thuật môi trường
9.	Kỹ thuật xây dựng	<p>Đối tượng có bằng đại học tốt nghiệp các chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật cấp thoát nước; Cơ kỹ thuật; Kiến trúc; Kiến trúc đô thị.</p> <p>Đối tượng có bằng thạc sĩ các chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm; Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Quản lý đô thị và công trình; Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng; Kiến trúc; Kiến trúc đô thị; Cơ kỹ thuật</p>	

**Phụ lục 4 - Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu
kèm theo danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện
hướng dẫn nghiên cứu sinh**

*(Kèm theo thông báo số 334^B/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022
của Trường Đại học Công nghệ)*

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
Khoa Công nghệ Thông tin				
1.	GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy	Toán Máy tính	Trí tuệ nhân tạo	nguyenthathuy@vnu.edu.vn
2.	PGS.TS. Phan Xuân Hiếu	Công nghệ thông tin	Khai phá dữ liệu, Thông minh kinh doanh, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	hieupx@vnu.edu.vn
3.	PGS.TS. Nguyễn Hải Châu	Toán - Tin	Hệ thống thông tin, GIS	chaunh@vnu.edu.vn
4.	PGS.TS. Lê Thanh Hà	Công nghệ thông tin	Xử lý ảnh và video, Video coding	ltha@vnu.edu.vn
5.	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hóa	Tin học	Hệ thống thông tin, An toàn thông tin	hoann@vnu.edu.vn
6.	PGS.TS. Trương Anh Hoàng	Tin học	Công nghệ phần mềm	hoangta@vnu.edu.vn
7.	PGS.TS. Phạm Ngọc Hùng	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm, Đảm bảo chất lượng phần mềm	hungpn@vnu.edu.vn
8.	PGS.TS. Phạm Bảo Sơn	Khoa học Máy tính	Trí tuệ nhân tạo, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	sonpb@vnu.edu.vn
9.	PGS.TS. Nguyễn Hoài Sơn	Công nghệ thông tin	Overlay network, Mạng ngang hàng, Video streaming, Mạng không dây, Internet of Things	sonnh@vnu.edu.vn
10.	PGS.TS. Nguyễn Việt Anh	Khoa học máy tính	E-learning	vietanh@vnu.edu.vn
11.	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhật Thanh	Công nghệ thông tin	Xử lý ảnh, Giám sát hiện trường	thanhntn@vnu.edu.vn
12.	PGS.TS. Nguyễn Trí Thành	Hệ thống thông tin	Khai phá dữ liệu, Truy hồi thông tin, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	thanhnt@vnu.edu.vn
13.	PGS.TS. Lê Sỹ Vinh	Tin học	Tin sinh học, Khai phá dữ liệu	vinhls@vnu.edu.vn
14.	TS. Ma Thị Châu	Khoa học Máy tính	Thị giác máy, Hình học đa ảnh, Phân tích ảnh độ sâu, Đồ họa máy tính	chaumt@vnu.edu.vn
15.	TS. Trần Thị Minh Châu	Công nghệ thông tin	Phân tích và thiết kế hệ thống	chauttm@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
16.	TS. Đặng Thanh Hải	Khoa học máy tính	Tin sinh học	haidt@vnu.edu.vn
17.	TS. Đặng Cao Cường	Khoa học máy tính	Tin sinh học	cuongdc@vnu.edu.vn
18.	TS. Tạ Việt Cường	Công nghệ thông tin	Trí tuệ nhân tạo, Học tăng cường, Thị giác máy	cuongtv@vnu.edu.vn
19.	TS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Công nghệ thông tin	Thị giác máy, Trí tuệ nhân tạo	ngocdiep@vnu.edu.vn
20.	TS. Ngô Thị Duyên	Khoa học máy tính	Đồ họa máy tính, Nhận dạng tiếng nói	duyennt@vnu.edu.vn
21.	TS. Lê Phê Đô	Toán/Xác suất	An toàn thông tin trong giao dịch điện tử, Các phương pháp toán trong công nghệ	dolp@vnu.edu.vn
22.	TS. Đỗ Đức Đông	Khoa học máy tính	Tối ưu hóa, Trí tuệ nhân tạo	dongdoduc@vnu.edu.vn
23.	TS. Đặng Đức Hạnh	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	hanhdd@vnu.edu.vn
24.	TS. Nguyễn Thị Hậu	Tin học ứng dụng	Hệ thống thông tin	nguyenhau@vnu.edu.vn
25.	TS. Lê Quang Hiếu	Công nghệ thông tin	Học máy, Khai phá dữ liệu web, thông tin doanh nghiệp	hieulq@vnu.edu.vn
26.	PGS.TS. Trần Trọng Hiếu	Tin học	Xử lý tri thức, Khai phá dữ liệu, Các hệ thống đa tác tử, Học máy	hieutt@vnu.edu.vn
27.	TS. Võ Đình Hiếu	Công nghệ thông tin	Kiến trúc phần mềm, Kiến trúc hướng dịch vụ, Phân tích chương trình	hieuvd@vnu.edu.vn
28.	TS. Tô Văn Khánh	Công nghệ thông tin	SMT/SAT solver, Các phương pháp hình thức	khanhtv@vnu.edu.vn
29.	TS. Phạm Mạnh Linh	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính truyền thông, Điện toán đám mây, điện toán sương mù, Công nghệ nông nghiệp	linhmp@vnu.edu.vn
30.	TS. Trần Trúc Mai	Điện tử viễn thông	Truyền thông không dây, Điện toán đám mây	mai.tran@vnu.edu.vn
31.	TS. Dương Lê Minh	Công nghệ thông tin	Mạng adhoc không dây, SIP - based VoIP, Internet of Things, Mạng cảm biến, Ứng dụng di động cloud, Các hệ thống ảo hóa	minhdl@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
32.	TS. Vũ Thị Hồng Nhạn	Công nghệ thông tin	Khai phá dữ liệu không gian - thời gian, Các hệ thống cung cấp dịch vụ cung cấp thông tin dựa trên vị trí, Cơ sở dữ liệu không gian & Hệ thống thông tin địa lý	vthnhan@vnu.edu.vn
33.	TS. Lê Đình Thanh	Khoa học máy tính	An toàn thông tin, Phát triển ứng dụng Web	thanhld@vnu.edu.vn
34.	TS. Nguyễn Đại Thọ	Tin học	An toàn thông tin, Tính toán phân tán, Mạng máy tính	thond@vnu.edu.vn
35.	TS. Hoàng Xuân Tùng	Điện tử viễn thông	Các hệ thống nhúng, Các ứng dụng mobile và cloud, Đánh giá hiệu năng hệ thống	tunghx@vnu.edu.vn
36.	TS. Nguyễn Văn Vinh	Công nghệ thông tin	Học máy, dịch máy, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên, Xử lý và phân tích dữ liệu lớn	vinhnv@vnu.edu.vn
37.	TS. Trần Mai Vũ	Hệ thống thông tin	Khai phá dữ liệu, Xử lý ngôn ngữ tự nhiên, Dữ liệu lớn	vutm@vnu.edu.vn
Khoa Điện tử - Viễn thông				
38.	GS.TS. Chử Đức Trình	Điện tử viễn thông	Vi cơ điện tử, Y sinh	trinhcd@vnu.edu.vn
39.	PGS.TS. Trương Vũ Bằng Giang	Điện tử viễn thông	Siêu cao tần, antenna	giangtvb@vnu.edu.vn
40.	PGS.TS. Nguyễn Nam Hoàng	Điện tử viễn thông	Network, Truyền thông dùng ánh sáng	hoangnn@vnu.edu.vn
41.	PGS.TS. Bùi Thanh Tùng	Điện tử viễn thông	Vi cơ điện tử, Y sinh	tungbt@vnu.edu.vn
42.	PGS.TS. Trịnh Anh Vũ	Vật lý vô tuyến	Truyền thông, Hệ thống VT thế hệ mới	vuta@vnu.edu.vn
43.	TS. Nguyễn Ngọc An	Điện tử viễn thông	Cảm biến, cơ cấu chất hành kiểu MEMS, kiểm tra không phá hủy	ngocan@vnu.edu.vn
44.	TS. Vũ Tuấn Anh	Điện tử viễn thông	Siêu cao tần	anh tv@vnu.edu.vn
45.	TS. Đinh Triều Dương	Điện tử viễn thông	Xử lý đa phương tiện	duongdt@vnu.edu.vn
46.	TS. Phùng Mạnh Dương	Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện tử	duongpm@vnu.edu.vn
47.	TS. Lê Vũ Hà	Tin học	Xử lý đa phương tiện	halv@vnu.edu.vn
48.	TS. Lưu Mạnh Hà	Điện tử	Xử lý ảnh y sinh, Xử lý	halm@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
		viễn thông	tín hiệu y sinh	
49.	TS. Nguyễn Kiêm Hùng	Điện tử viễn thông	Thiết kế vi mạch, Thiết kế hệ thống nhúng, Tính toán có khả năng tái cấu hình	kiemhung@vnu.edu.vn
50.	TS. Bùi Trung Ninh	Kỹ thuật viễn thông	Truyền thông quang, IoT, Truyền thông trong mạng 5G	ninhbt@vnu.edu.vn
51.	TS. Đinh Thị Thái Mai	Kỹ thuật viễn thông	Truyền thông vô tuyến, Mạng di động, IoT, Vô tuyến nhận thức	maidtt@vnu.edu.vn
52.	TS. Trần Thị Thúy Quỳnh	Kỹ thuật viễn thông	Nghiên cứu và thiết kế anten và các phần tử siêu cao tần, Các thuật toán xử lý mảng	quynhttt@vnu.edu.vn
53.	TS. Trần Cao Quyền	Kỹ thuật viễn thông	Truyền tin dưới nước, Thiết kế anten thế hệ mới	quyentc@vnu.edu.vn
54.	TS. Lâm Sinh Công	Điện tử viễn thông	- Mạng thông tin di động 5G, 6G - Ứng dụng học máy trong mạng truyền thông	congls@vnu.edu.vn
55.	TS. Nguyễn Thị Hồng Thịnh	Các hệ thống thông tin và truyền thông	Xử lý tín hiệu, Xử lý ảnh, Học máy	hongthinh.nguyen@vnu.edu.vn
56.	PGS.TS. Mai Anh Tuấn	Vật liệu điện tử	Cảm biến vi cơ điện tử ứng dụng trong phân tích y sinh. Transistor hiệu ứng trường và ứng dụng trong phân tích y sinh, môi trường. Phát triển hệ thống đo lường các thông số sinh tồn định hướng ứng dụng trong chẩn đoán bệnh sớm. Nghiên cứu, phát triển hệ thống phân tích, đánh giá chứng ngừng thở trong lúc ngủ trên cơ sở cảm biến gia tốc	tuanma@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			và cảm biến âm.	
57.	TS. Hoàng Gia Hưng	Điện tử viễn thông	Xử lý tín hiệu, lý thuyết hệ thống Lý thuyết thông tin với trọng tâm là các ứng dụng của tập ngẫu nhiên trong mạng cảm biến, theo dõi đa mục tiêu Kỹ thuật robot	hunghg@vnu.edu.vn
58.	TS. Phạm Đức Quang	Xử lý thông tin quang	Xử lý thông tin quang: Thu nhận và hiển thị thông tin 3D Đo lường quang Chế tạo và khắc vật liệu sử dụng laser Thông tin sợi quang Thu nhận và truyền dữ liệu quang	quangpd@vnu.edu.vn
59.	TS. Nguyễn Ngọc Thảo	Robotics	Phát triển hệ thống thông minh dựa trên công nghệ vi cơ điện tử MEMS, hệ thống tích hợp trên chip (Lab-on-a-chip) ứng dụng trong y sinh, hệ thống cảm biến ứng dụng trong chẩn đoán sinh hóa	thao.pham@vnu.edu.vn
60.	TS. Nguyễn Thị Thanh Vân	Kỹ thuật điện tử	Điều khiển tự động và Robotics	vanntt@vnu.edu.vn
61.	PGS. TS. Hoàng Văn Xiêm	Kỹ thuật điện và máy tính	Công nghệ thông tin truyền thông	xiemhoang@vnu.edu.vn
62.	PGS.TS. Trần Văn Quảng	Vật lý tính toán	Nghiên cứu tính toán các vật liệu mới Tính toán mô phỏng các hệ thống vi cơ điện tử	tranquang@vnu.edu.vn
Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa				
63.	GS.TSKH. Nguyễn	Cơ học kỹ thuật	Dao động, Điều khiển	ndanh @imech.vast.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
	Đông Anh	& Tự động hóa	dao động	
64.	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức	Cơ học vật liệu	Vật liệu composite	ducnd@vnu.edu.vn
65.	GS.TSKH. Nguyễn Tiến Khiêm	Cơ học kỹ thuật & Tự động hóa	Dao động, Chẩn đoán kỹ thuật công trình	ntkhiem@imech.vast.vn
66.	PGS.TS. Phạm Mạnh Thắng	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa - Cơ điện tử	thangpm@vnu.edu.vn
67.	PGS.TS. Đặng Thế Ba	Toán - Cơ	Toán –Cơ, Thủy khí công nghiệp và môi trường	badt@vnu.edu.vn
68.	PGS.TSKH. Dương Ngọc Hải	Cơ học kỹ thuật & Tự động hóa	Thủy khí, Động lực học chất lỏng chất khí	dnhai@imech.vast.vn
69.	PGS.TS. Nguyễn Việt Khoa	Dao động	Tính toán kết cấu, Động lực học và giám sát kết cấu	nvkhoa@imech.vast.vn
70.	PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Liên	Cơ học chất lỏng	Động lực học chất lỏng, chất khí	ntvlien@imech.vast.vn
71.	PGS.TS. Đào Như Mai	Cơ học vật thể rắn	Tính toán kết cấu, Động lực học kết cấu dưới tác dụng của sóng, gió	dnmai@imech.vast.vn
72.	PGS.TS. Đinh Văn Mạnh	Cơ học chất lỏng	Động lực học chất lỏng, chất khí	dvmanh@imech.vast.vn
73.	TS. Bùi Hồng Sơn	Cơ học kỹ thuật và cơ khí	Vật liệu và cơ học kỹ thuật	sonbh@vnu.edu.vn
74.	TS. Trần Thanh Tùng	Cơ học kỹ thuật	Cơ học tính toán, Gia công cắt gọt	tranthanhtung@vnu.edu.vn
Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano				
75.	GS.TS. Nguyễn Hữu Đức	Vật lý	Vật liệu và linh kiện từ tính cấu trúc nano, Điện tử học spin, vật liệu tổ hợp sắt từ/sắt điện (multiferroics), MERA M, cảm biến sinh học,...	ducnh@vnu.edu.vn
76.	GS.TS. Hoàng Nam Nhật	Khoa học vật liệu	Vật liệu thấp chiều thế hệ mới và ứng dụng trong công nghệ hiện đại, Vật lý tính toán các hệ đám nano từ tính, Gốm trên nền hợp kim pha tạp siêu loãng bằng	nhatnh@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			bắn phá ion năng lượng cao	
77.	PGS.TS. Nguyễn Kiên Cường	Vật liệu và Xử lý Bề Mặt	Vật liệu quang tử	cuongnk@vnu.edu.vn
78.	PGS.TS. Đỗ Thị Hương Giang	Khoa học vật liệu	Vật liệu từ giao - áp điện cấu trúc nano, cảm biến đo từ trường	giangdth@vnu.edu.vn
79.	PGS.TS. Nguyễn Phương Hoài Nam	Hoá hữu cơ	Vật liệu và linh kiện quang-điện trên cơ sở polymer dẫn, Vật liệu nanocomposite	namnph@vnu.edu.vn
80.	TS. Nguyễn Đức Cường	Vật lý ứng dụng trong các hệ thống năng lượng	Pin mặt trời, Các thiết bị quang tử	cuongnd@vnu.edu.vn
81.	TS. Nguyễn Thị Minh Hồng	Vật liệu và linh kiện nano	Vật liệu và linh kiện nano	hongntm@vnu.edu.vn
82.	TS. Nguyễn Đình Lãm	Vật liệu và linh kiện từ tính nano	Vật liệu năng lượng	lamnd2005@vnu.edu.vn
83.	TS. Nguyễn Thị Yến Mai	Công nghệ quang tử	Quang điện tử	mainty@vnu.edu.vn
84.	TS. Bùi Đình Tú	Vật liệu và linh kiện nano	Vật liệu và linh kiện nano	tubd@vnu.edu.vn
85.	TS. Lê Việt Cường	Vật liệu và linh kiện nano	Vật liệu và linh kiện nano	cuonglv@vnu.edu.vn
86.	PGS.TS Phạm Văn Vĩnh	Vật lý và Khoa học Vật liệu	<p>Nghiên cứu và chế tạo vật liệu màng mỏng siêu cứng nano-composite và nanomultilayer.</p> <p>Nghiên cứu và chế tạo cảm biến dò khí độc và hơi một số dung môi hữu cơ.</p> <p>Nghiên cứu và chế tạo màng mỏng dẫn điện trong suốt FTO định hướng ứng dụng làm điện cực cho pin mặt trời.</p> <p>Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang xúc tác của hạt nano TiO₂ và TiO₂ pha tạp.</p> <p>Chế tạo và nghiên cứu</p>	vinhphv@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
			tính chất xúc tác điện hóa của hạt nano hợp kim NiPt và CuPt định hướng ứng dụng làm chất xúc tác cho pin nhiên liệu sử dụng ethanol	
Bộ môn Công nghệ Xây dựng – Giao thông				
87.	GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức	Cơ kỹ thuật	Ổn định tĩnh và động của các tấm và vỏ composite chức năng FGM, Vật liệu và kết cấu composite polyme 3 pha và nano composite, Các nghiên cứu cơ học định hướng ứng dụng, phục vụ thực tiễn, Cấu trúc tổng hợp với sự lan truyền nứt động, Công trình xây dựng và kết cấu composite chịu tải trọng đặc biệt, Vật liệu tổng hợp và phụ áp điện, Vật liệu tổng hợp Nano trong năng lượng tái tạo Composite với cấu trúc không gian (Carbon-carbon composite 3D, 4D), Hỗn hợp polyme polyme và polymer ba pha, Vật liệu và cấu trúc tiên tiến trong Kỹ thuật Xây dựng, Toán học và Cơ học ứng dụng.	ducnd@vnu.edu.vn
88.	TS. Vũ Thị Thùy Anh	Cơ kỹ thuật	Nghiên cứu về sự lan truyền vết nứt trong kết cấu, Nghiên cứu ổn định tĩnh và động các kết cấu làm bằng vật liệu tiên tiến.	anhvutt@vnu.edu.vn
89.	TS. Dương Tuấn Mạnh	Cơ học vật rắn biến dạng	Bài toán va chạm trên vật liệu đàn nhót	duongtuanmanh@vnu.edu.vn
90.	TS. Phan Hải Đăng	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí	haidangphan.vn@gmail.com

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
91.	TS. Lê Văn Tuấn	Xây dựng công trình	Xây dựng công trình	levantuan112@vnu.edu.vn
92.	TS. Nguyễn Văn Hùng	Kỹ thuật xây dựng	Đánh giá ảnh hưởng từ phương tiện đường sắt đến các công trình; Công trình ngầm chịu tải trọng động đất; Rung động & lan truyền sóng	vanhung.nguyen@vnu.edu.vn
Viện Công nghệ Hàng không Vũ trụ				
93.	PGS.TS. Trương Ninh Thuận	Toán -Tin ứng dụng	Công nghệ phần mềm, Kiểm chứng phần mềm	thuantn@vnu.edu.vn
94.	TS. Bùi Quang Hưng	Công nghệ thông tin	Khoa học dữ liệu, Khoa học dữ liệu không gian, GIS, Hạ tầng dữ liệu không gian	hungbq@vnu.edu.vn
95.	TS. Nguyễn Hoàng Quân	Cơ khí và năng lượng	Nghiên cứu về truyền nhiệt và truyền khối cho dòng 2 pha, Nghiên cứu về đặc tính nhiệt của vật liệu tại nhiệt độ cao	nhquan@vnu.edu.vn
96.	TS. Lê Đình Anh	Hệ thống cơ khí	Cơ học chất lỏng và năng lượng tái tạo	anh.ld@vnu.edu.vn
97.	TS. Dương Việt Dũng	Hàng không và vũ trụ	Thông tin hàng không, cơ khí hàng không, điện-điện tử hàng không	duongdv@vnu.edu.vn
98.	TS. Hà Minh Cường	Bản đồ, viễn thám, GIS và địa vật lý	Xử lý ảnh viễn thám, xử lý ảnh GIS và hệ thống tin địa lý	cuonghm@vnu.edu.vn
Khoa Công nghệ nông nghiệp				
99.	GS.TS. Lê Huy Hàm	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học ứng dụng trong di truyền nông nghiệp	hamle@vnu.edu.vn
100.	TS. Lê Thị Hiên	Hóa sinh hữu cơ	Công nghệ nano sinh học ứng dụng trong nông nghiệp, môi trường và y dược	hienlt@vnu.edu.vn
101.	TS. Hà Thị Quyển	Vi sinh vật	Công nghệ sinh học trong nông nghiệp, y dược và môi trường	quyenht@vnu.edu.vn
102.	TS. Phạm Minh Triển	Điện tử viễn thông	Điều khiển, robotics	trienpm@vnu.edu.vn
103.	TS. Trần Đăng Khoa	Sinh học phân tử	Công nghệ nano sinh học ứng dụng trong y sinh Công nghệ sinh học ứng dụng trong nông nghiệp	khoatd@vnu.edu.vn

Thông tin chung về giảng viên			Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu	Thông tin liên lạc
TT	Họ và tên	Ngành đào tạo		
	Viện Trí tuệ nhân tạo			
104.	PGS.TS. Nguyễn Việt Hà	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm, Trí tuệ nhân tạo	hanv@vnu.edu.vn
105.	PGS.TS. Nguyễn Phương Thái	Tin học	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	thainp@vnu.edu.vn
106.	TS. Trần Quốc Long	Công nghệ thông tin	Học máy, Xử lý ảnh, Thị giác máy	longtq@vnu.edu.vn
107.	TS. Bùi Ngọc Thăng	Khoa học máy tính	Học máy, Các phương pháp biểu diễn dữ liệu, Các phương pháp học máy giải quyết các bài toán y học (Tin sinh học)	thangbn@vnu.edu.vn
	Viện Tiên tiến về Kỹ thuật và Công nghệ			
108.	PGS.TS. Nguyễn Linh Trung	Kỹ thuật máy tính và điện	Xử lý tín hiệu, truyền thông	linhtrung@vnu.edu.vn

**Phụ lục 5 – Thông tin các chuyên ngành được tham gia đào tạo theo
Đề án 89 của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

*(Kèm theo thông báo số 334^B/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022
của Trường Đại học Công nghệ)*

I. Danh mục các chuyên ngành được tham gia đào tạo theo Đề án 89

TT	Chuyên ngành	Mã số
1.	Hệ thống thông tin	9480104
2.	Kỹ thuật phần mềm	9480103
3.	Khoa học máy tính	9480101
4.	Cơ kỹ thuật	9520101
5.	Vật liệu và linh kiện nano	944012801QTD

**II. Đối tượng và tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn (trích Điều 5 Thông tư
25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/09/2021 của Bộ GD&ĐT)**

- Giảng viên cơ hữu, giảng viên nguồn được tham gia tuyển chọn để nhận kinh phí hỗ trợ của Đề án khi đáp ứng các yêu cầu sau:
 - Là công dân Việt Nam, tuổi không quá 40 tính đến năm tham gia tuyển chọn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; đủ sức khỏe để đi học; không trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên; không thuộc trường hợp chưa được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật khi tham gia tuyển chọn đi học toàn thời gian ở nước ngoài;
 - Tham gia tuyển chọn đi học tiến sĩ, thạc sĩ hoặc đang theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ lần đầu tiên;
 - Giảng viên cơ hữu đã đáp ứng điều kiện tuyển sinh của chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo dự kiến tiếp nhận học chính thức trong năm đăng ký tuyển chọn hoặc năm kế tiếp liền kề; hoặc giảng viên nguồn, giảng viên cơ hữu đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ phải còn thời gian học tập, nghiên cứu ít nhất từ 18 tháng trở lên tính đến thời điểm tham gia tuyển chọn;
 - Chưa nhận hoặc chưa cam kết nhận học bổng toàn phần từ ngân sách Nhà nước hoặc từ các nguồn kinh phí khác cho việc học tập, nghiên cứu ở trình độ dự tuyển tính đến thời điểm được tuyển chọn.
- Đối tượng tham gia tuyển chọn để được nhận kinh phí hỗ trợ của Đề án khi đi học thạc sĩ phải là giảng viên cơ hữu giảng dạy những ngành đào tạo thuộc lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao của các cơ sở cử đi thuộc khối văn hóa, nghệ thuật và thể dục, thể thao.

III. Quyền và trách nhiệm của người học (trích Điều 6 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/09/2021 của Bộ GD&ĐT)

1. Người học có các quyền sau:
 - a) Được cấp kinh phí hỗ trợ của Đề án theo thời hạn phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ tại cơ sở đào tạo;
 - b) Được cơ sở cử đi tạo điều kiện, bố trí thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo và tiếp nhận trở lại làm việc sau khi tốt nghiệp;
 - c) Được nhận thêm hỗ trợ tài chính từ các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình học tập, nghiên cứu trong trường hợp khoản hỗ trợ tài chính này không phải là học bổng toàn phần, đồng thời không có mâu thuẫn giữa quyền lợi và trách nhiệm của người học được nhận hỗ trợ kinh phí của Đề án với quyền lợi và trách nhiệm của người học được nhận hỗ trợ tài chính theo quy định của các tổ chức, cá nhân này;
 - d) Được hưởng các quyền của công dân Việt Nam khi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài theo quy định hiện hành.
2. Người học có các trách nhiệm sau:
 - a) Tuân thủ quy định và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian học tập, nghiên cứu; báo cáo cơ sở cử đi tiến độ, kết quả học tập và nghiên cứu định kỳ 06 tháng hoặc khi kết thúc kỳ học, năm học trong thời gian đào tạo và khi tốt nghiệp chương trình đào tạo;
 - b) Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn và được cấp bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ theo quy định của cơ sở đào tạo;
 - c) Trong thời gian học tập, nghiên cứu hoặc chậm nhất trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp, người học tiến sĩ phải công bố kết quả nghiên cứu liên quan trực tiếp tới đề tài luận án, được minh chứng bằng ít nhất 02 công bố khoa học đối với người học tập trung toàn thời gian ở nước ngoài, hoặc ít nhất 01 công bố khoa học đối với người học ở các hình thức còn lại trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây viết tắt là WoS/Scopus) với tư cách là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ. Riêng đối với người học tiến sĩ các ngành thuộc lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục thể thao có thể thay thế công bố khoa học bằng 01 giải thưởng chính thức của các cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận;
 - d) Tự bảo đảm tài chính để tiếp tục học tập, nghiên cứu và hoàn thành chương trình đào tạo trong trường hợp thời gian đào tạo theo tiếp nhận của cơ sở đào tạo dài hơn thời hạn tối đa được nhận kinh phí hỗ trợ từ Đề án quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư này;
 - đ) Thực hiện trách nhiệm của người học theo pháp luật của nước sở tại và theo quy định hiện hành đối với công dân Việt Nam khi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài;

- e) Quay trở về cơ sở cử đi ngay sau khi tốt nghiệp và làm việc trong thời gian tối thiểu theo quy định của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo đối với người học không phải là công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định 143); theo quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định 101) đối với người học là công chức, viên chức và các quy định hiện hành khác có liên quan;
- g) Thực hiện bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đã nhận từ Đề án trong thời gian học tập, nghiên cứu theo quy định tại Nghị định 143 đối với người học không phải là công chức, viên chức và theo quy định tại Nghị định 101 đối với người học là công chức, viên chức và các quy định hiện hành khác có liên quan trong trường hợp vi phạm những quy định tại Điều 3 của Nghị định 143, Điều 7 của Nghị định 101 và không thực hiện đầy đủ những trách nhiệm khác của người học quy định tại Điều này.

**Phụ lục 6 – Quy định xét cấp học bổng của ĐHQGHN cho nghiên cứu sinh
và thực tập sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc**

*(Kèm theo thông báo số 334^B/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022
của Trường Đại học Công nghệ)*

Đối tượng và điều kiện đăng ký xét cấp học bổng nghiên cứu sinh

1. Đối tượng đăng ký

Ứng viên đăng ký xét cấp học bổng nghiên cứu sinh là thí sinh có nguyện vọng dự tuyển đào tạo tiến sĩ hoặc nghiên cứu sinh đang tham gia chương trình đào tạo tiến sĩ tại đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, có năng lực nghiên cứu tốt, có khả năng công bố quốc tế và cam kết đạt các chuẩn đầu ra theo Quy định này và Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Điều kiện đăng ký

- a) Tuổi không quá 40 tính đến ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh;
- b) Có điểm trung bình chung học tập ở bậc đại học và thạc sĩ đạt tối thiểu từ 2.80 trở lên đối với ứng viên dự tuyển từ thạc sĩ; có điểm trung bình chung học tập ở bậc đại học đạt tối thiểu từ 2.80 trở lên đối với ứng viên dự tuyển từ cử nhân;
- c) Có đề cương nghiên cứu, trong đó dự kiến kế hoạch thực hiện để đạt được kết quả đầu ra của khóa đào tạo tiến sĩ tối thiểu như sau: Trong thời gian đào tạo, nghiên cứu sinh là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) của tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus, trong đó ít nhất 01 bài đăng trên tạp chí được xếp hạng Q1 (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ) hoặc ít nhất 01 bài đăng trên tạp chí được xếp hạng Q2 trở lên (đối với các lĩnh vực khác);
- d) Có nhà khoa học có uy tín bảo trợ giới thiệu. Nhà khoa học bảo trợ không nhất thiết là người hướng dẫn luận án của nghiên cứu sinh;
- đ) Cam kết thực hiện các quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội về xét cấp học bổng cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc (*theo mẫu tại Phụ lục 7*);
- e) Ngoài các điều kiện trên, ứng viên là thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện tuyển sinh theo Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành; nghiên cứu sinh đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ phải còn thời gian học tập, nghiên cứu ít nhất từ 18 tháng trở lên trong thời gian đào tạo chuẩn theo quy định tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia chương trình học bổng.

Phụ lục 7

(Kèm theo thông báo số 334^B/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022
của Trường Đại học Công nghệ)

**CAM KẾT THỰC HIỆN QUY ĐỊNH
XÉT CẤP HỌC BỔNG DÀNH CHO NGHIÊN CỨU SINH/THỰC TẬP SINH
CÓ NĂNG LỰC NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC¹**

Họ và tên nghiên cứu sinh/thực tập sinh:

Giới tính:

Ngày sinh:

Nơi sinh:

Chuyên ngành đăng ký dự tuyển:

Mã số:

Tôi đã tìm hiểu (Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành và) Quy định xét cấp học bổng của Đại học Quốc gia Hà Nội dành cho nghiên cứu sinh và thực tập sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc và nội quy, quy định của <đơn vị đào tạo>. Tôi cam kết thực hiện các nội dung sau đây:

1. Đã tìm hiểu và có hiểu biết đầy đủ, sâu sắc khi đăng ký tham gia chương trình học bổng của Đại học Quốc gia Hà Nội dành cho nghiên cứu sinh và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc.

2. Tự nguyện, đồng thuận cao, trách nhiệm cao và quyết tâm cao với việc học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của (Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành và) quy định về xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh và thực tập sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc.

3. Tuân thủ (Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành và) quy định về xét cấp học bổng của Đại học Quốc gia Hà Nội dành cho nghiên cứu sinh và thực tập sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc; chịu sự quản lý của đơn vị đào tạo trong thời gian học tập, nghiên cứu và thực hiện nghiêm túc Quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội, của đơn vị đào tạo, của nhóm nghiên cứu, cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Các công bố của tôi đều ghi tên đơn vị đào tạo thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và chú thích là kết quả nghiên cứu được quỹ học bổng dành cho nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc của Đại học Quốc gia Hà Nội tài trợ theo quy định.

5. Nỗ lực học tập, nghiên cứu để hoàn thành chương trình đúng thời hạn quy định.

6. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính theo quy định của đơn vị đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hà Nội, ngày tháng năm
Nghiên cứu sinh/Thực tập sinh
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

¹ Ứng viên điều chỉnh đơn theo đúng vị trí là nghiên cứu sinh hay thực tập sinh sau tiến sĩ